

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2025

*“V/v ly hôn, nuôi con và
yêu cầu cấp dưỡng nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Võ Cẩm Tú**

2- Bà **Hà Thị Lệ Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 228/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc *“Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 03/2025/HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Kim S**, sinh năm 1994. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp VH, xã VC, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Võ Văn T**, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VT, xã VH, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị **Ngô Thị Kim S** trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn T tự tìm hiểu quen biết và yêu thương nhau được khoảng 06 tháng thì hai người tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 04/5/2021. Sau khi cưới vợ chồng chị sống chung nhà với cha, mẹ chồng được hơn 03 năm thì đi lên Rạch Giá để buôn bán. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường hay cự cãi với nhau đến khi lên Rạch Giá buôn bán thì mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn nên chị dẫn con về nhà cha, mẹ ruột tại ấp VH, xã VC sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường bất đồng quan điểm, anh T thường hay ghen tuông vô cớ, ham chơi, không lo làm ăn để lo cho tương lai. Năm 2024, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị nộp đơn ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng nhưng được cha ruột chị khuyên bảo cho anh T thời gian để sửa đổi nên chị rút lại đơn khởi kiện ly hôn với anh T. Sau khi rút đơn thì vợ chồng chị không sống chung, chị và con vẫn ở nhà cha, mẹ ruột cho đến nay, về phía anh T cũng không sửa đổi. Vợ chồng không còn tình cảm nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung Võ Thành T1, sinh ngày 16/6/2021, giới tính nam, hiện nay đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức là 1.500.000đ/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Kim S.

Tại phiên tòa: Chị Ngô Thị Kim S giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Võ Thành T1 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 10/01/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Chị S và anh T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Văn T.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị S và anh T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự thống nhất của hai bên gia đình có tổ lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 04/5/2021 nên quan hệ hôn nhân của chị S và anh T là hợp pháp.

Chị S yêu cầu ly hôn với anh T, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T thường hay ghen tuông vô cớ, ham chơi, không lo làm ăn để lo cho tương lai.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh T biết về việc chị S yêu cầu ly hôn và thông báo cho anh T đến Tòa án tham gia hòa giải, nhưng anh T đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị S.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị S và anh T xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Tháng 02 năm 2024 chị S nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh T tại Tòa án, sau đó rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi rút đơn khởi kiện chị S và anh T cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay. Hôn nhân của chị S và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S, cho Chị S được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị S và anh T có 01 người con chung Võ Thành T1, sinh ngày 16/6/2021, giới tính nam. Chị S yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp

đưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 10/01/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, con chung Võ Thành T1 từ khi chị S và anh T ly thân với nhau cho đến nay thì cháu T1 sống cùng với chị S được chị S chăm sóc và nuôi dưỡng từ năm 2023 đến nay. Để đảm bảo môi trường sống ổn định cho con, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Võ Thành T1 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị S là có căn cứ để chấp nhận. Vì theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh T không có ý kiến về mức cấp dưỡng nuôi con của Chị S và yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình và Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng.

Về thời gian cấp dưỡng, do cháu Võ Thành T1 sống chung với chị S từ đó đến nay nhưng từ khi Chị S gửi đơn ly hôn cho đến nay anh T không có cấp dưỡng nuôi con cùng với Chị S. Do đó, thấy rằng việc chị S yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thời điểm từ ngày 10/01/2025 tức sau ngày Tòa án nhận đơn và thụ lý vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị S.

Anh T có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị S trình bày là chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị Kim S phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S

đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000756 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Võ Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Ngô Thị Kim S được ly hôn với anh Võ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Thành T1, sinh ngày 16/6/2021, giới tính nam (đang sống với mẹ) cho chị Ngô Thị Kim S trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Võ Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức là 1.500.000đ/tháng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 10/01/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

Anh Võ Văn T có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị Kim S xác định chị S và anh T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị Kim S phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000756 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Buộc anh Võ Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/01/2025). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh